TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C -TỈNH BÌNH PHƯỚC

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

2. Bà Lương Thị Thu An

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M , sinh năm: 1970; Địa chỉ cư trú: khu phố 4, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Võ Ngọc C , sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: khu phố 4, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước.

(các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M , huyện C (nay là phường M , thị xã C), tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Quá trình chung sống đến năm 202020 có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính cách không hợp, vợ chồng thường cải vã nhau, vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên bà M xin Tòa án nhân dân thị xã C giải quyết cho ly hôn với ông Võ Ngọc C .

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bà M yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Ngọc C có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M như sau:

Ông Võ Ngọc C không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M . Theo ông C , do bà M tự ý bỏ nhà đi từ hơn 03 năm nay, ông C nhiều lần yêu cầu bà M về để vợ chồng nói chuyện rõ ràng nhưng bà M trốn tránh nên ông C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Ông C có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy đinh pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Ngọc C , Về án phí: bà M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Ly hôn"* do nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện đối với bị đơn ông Võ Ngọc C có nơi cư trú tại: khu phố 4, phường M , thị xã C , tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C , tỉnh Bình Phước.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M , Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Ngọc C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M , huyện C (nay là phường M , thị xã C), tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống bà M và ông C đều thống nhất vợ chồng mâu thuẫn, đã tự sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã tự sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nên bà M xin ly hôn. Ông Võ Ngọc C cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông C không đồng ý ly hôn, do bà M tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng chưa nói chuyện giải quyết với nhau về phần tài sản chung. Tại biên bản xác minh ngày 02/01/2024 được Trưởng khu phố 4, phường M cho biết bà M và ông C mâu thuẫn vài năm gần đây, bà M đi làm ăn xa không còn cư trú ở địa phương. Năm 2020 bà M đã nộp đơn ly hôn với ông C được Tòa án nhân dân huyện C (nay là thị xã C) thụ lý, giải quyết nhưng bà M rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 92/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2020. Như vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng của bà Nguyễn Thị M và ông Võ Ngọc C đã trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M , cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Ngọc C .

[3.2].Về con chung: Bà M và ông C không có con chung.

[3.3].Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4].Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do bà M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M .

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Ngọc C .

2. *Về án phí sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0012524 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C , tỉnh Bình Phước.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BP;
- VKSND thị xã C ;
- Chi cục THADS thị xã C ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thuý Hằng